

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HC-ST

Ngày 11/9/2024

*“V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Đài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Toàn

2. Ông Phạm Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Dung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Bàn Quang Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/ 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2024/TLST-HC ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc *“Khiếu kiện Quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1250/2024/QĐXXST-HC ngày 05/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1404/QĐST-HC ngày 23/8/2024 giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

+ Ông Hoàng Tuấn A, sinh năm 1982 (Có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lào Cai

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là: Ông Văn Minh Nam

Địa chỉ: Tổ 15, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai theo giấy ủy quyền ngày 05/3/2024 (Có mặt).

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B, tỉnh Lào Cai

Địa chỉ: Đường 19/5 thị trấn L, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Minh Q - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Bá H - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B theo giấy ủy quyền ngày 04/6/2024(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày như sau:

Về quyền sử dụng đất và nguồn gốc đất bị thu hồi, ngày 12/12/2011 vợ chồng ông Hoàng Tuấn A có mua của bà Phạm Thị V nhà và đất ở, đất vườn, đất ruộng lúa theo 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số AC579767 và D0958217. Địa chỉ thửa đất tại thôn P, thị trấn L với giá 300.000.000 đồng; Ông A, bà H nhờ ông Nguyễn Văn H (Là bố vợ) đứng tên trong GCNQSDĐ và vợ chồng ông A cùng chuyển đến đó sinh sống, thời điểm đó ngôi nhà được sử dụng điện mang tên hộ bà V và dùng nước giếng. Ngày 16/5/2013, ông A ký hợp đồng lắp hệ thống nước sạch để sử dụng đảm bảo chất lượng nước sinh hoạt. Năm 2015 ông A liên hệ với Công an thị trấn L để cắt chuyển hộ khẩu về đó ở, nhưng cán bộ Công an giải thích "trong cùng địa bàn thị trấn thì không cần phải cắt chuyển hộ khẩu". Do đó (ông có số hộ khẩu riêng) nhưng không chuyển khẩu về đó nữa mà vẫn để hộ khẩu tại nhà bố đẻ tại tổ dân phố số 2 thị trấn L.

Ngày 06/9/2019, vợ chồng ông Hoàng Tuấn A làm thủ tục nhận chuyển nhượng của ông H toàn bộ tài sản nhà, đất ở và các tài sản trên đất, cụ thể: Tại GCNQSDĐ số BE 461771, vào sổ số CH 00716 do UBND huyện B cấp ngày 08/08/2012; Diện tích nhận chuyển nhượng 172m², trong đó: có 120m² đất ở và 52m² đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số P3-16. Địa chỉ thửa đất tại thôn P 1, thị trấn L, huyện B.

Tại GCNQSDĐ số BE 461772, vào sổ số CH 00717 do UBND huyện B cấp ngày 08/08/2012: Tổng diện tích nhận chuyển nhượng 75,7 m², đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 86.317, tờ bản đồ số P3-16,36. Địa chỉ thửa đất tại thôn P 1, thị trấn L, huyện B. Trên đất ở có nhà xây lợp ngói, diện tích xây dựng 50m², xây hoàn thành năm 1993 và cây cối hoa màu trên đất. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông A sửa chữa hệ thống tường rào, cổng sắt, sân bê tông, lắp mới cửa nhà bằng sắt xây dựng thêm 01 nhà gỗ diện tích 37m² và nhà bếp khoảng 10m², công trình phụ, nhà vệ sinh...cả 04 khẩu (vợ chồng và 2 con) đến sinh sống thường xuyên đến khi bị thu hồi đất.

Về trình tự, thủ tục thu hồi đất phục vụ công trình: Khu đô thị mới như sau:

- Ngày 07/10/2020, UBND huyện B ban hành Thông báo thu hồi đất số 880/TB-UBND về thu hồi đất của ông Nguyễn Văn H, tổng diện tích thu hồi là 912m², trong đó toàn bộ là đất mà gia đình ông A, bà H đã nhận chuyển nhượng của ông H (theo bản đồ địa chính 2020 là thửa 59,61 bản đồ 15)

- Ngày tháng 12/2021, tổ công tác bồi thường lập Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông A, bà H đang sử dụng ổn định có diện tích đất tăng thêm theo thực tế sử dụng là 117,1m²; Ngày 21/01/2022, UBND huyện Bảo Thắng ban hành Thông báo điều chỉnh tên người sử dụng đất đối với thông báo thu hồi đất số 880/TB-UBND về thu hồi đất của ông H, điều chỉnh thành tên của gia đình ông A, bà H (Theo bản đồ địa chính năm 2020 là thửa 59, 61 bản đồ số 15) tổng diện tích thực tế sau đo lại là 418,4m² do gia đình ông A đang sử dụng. (Trong đó có 120m² đất ở và 298,4m² đất nông nghiệp.)

- Ngày 15/12/2021, tổ công tác lập Biên bản kiểm kê đất và tài sản trên đất và xác nhận của UBND thị trấn L đúng như thực tế thu hồi của hộ ông A.

- Ngày..tháng...năm....(để trống) Trung tâm phát triển quỹ đất (viết tắt: TTPTQĐ) huyện lập bảng tổng hợp áp giá bồi thường đối với toàn bộ đất đai, tài sản hoa màu của hộ ông A: Kết quả tổng giá trị bồi thường đất là 152.952.000 đồng, tài sản trên đất: 326.613.941 đồng. Tổng giá trị bồi thường là: 520.414.713 đồng

- Ngày 16/12/2021, TTPTQĐ huyện Thông báo niêm yết công khai phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư, trong đó có Danh sách tái định cư đối với gia đình ông A thuộc trường hợp được tái định cư diện thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở (Không thuộc hộ phát sinh hoặc giao đất có thu tiền) tình trạng không có nhà đất ở chỗ nào khác trên địa bàn. Với hồ sơ niêm yết như trên, hộ ông A thấy quyền lợi của gia đình đã được nhà nước đảm bảo và được hướng dẫn, ông làm đơn đồng ý đề nghị thu hồi đất trước thời hạn để có đất ổn định đời sống (Đơn được UBND thị trấn xác nhận)

- Ngày 24/01/2022, UBND huyện ban hành các Quyết định: Thu hồi đất số 248/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND huyện B. Nội dung thu hồi toàn bộ diện tích đất của gia đình ông A là 418,4m² đang sử dụng (Trong đó có 120m² đất ở và 298,4m² đất nông nghiệp). Cùng ngày Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư số 249/QĐ-UBND; Nội dung phê duyệt tiền bồi thường như phương án niêm yết, phần tái định cư được phê duyệt đối tượng thu hồi đất có di chuyển chỗ ở.

- Ngày 28/7/2023, Hội đồng bồi thường họp xác định các hộ đủ điều kiện giao đất tái định cư trong đó có gia đình ông A tại số TT 105, thuộc trường hợp thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác, cấp TĐC chính chủ 01 suất tối thiểu theo quy định; Ngày 26/10/2023, TTPTQĐ huyện mời ông A bốc thăm lô đất tái định cư, trong danh sách được bốc thăm đất thuộc diện di chuyển chỗ ở (STT12). Ông A đã bốc được lô 34, thửa đất số 155, tờ bản đồ số 70, đường N4, khu đô thị mới C, diện tích 125m² tái định cư tối thiểu.

- Ngày 12/12/2023, UBND thị trấn L báo ông A đến lấy hồ sơ thuê đi nộp thì mới được biết ông là hộ phải nộp số tiền là 812.500.000đ, không được hỗ trợ chênh lệch suất tái định cư tối thiểu. Số tiền thiệt hại do không được hỗ trợ chênh lệch là: 812.500.000 đ - 144.000.000 đ = 668.000.000 đ; Trong đó: (Số tiền phải nộp sử dụng đất: 812.500.000 đ, Số tiền được bồi thường đất ở: 144.000.000 đ);

Ông khiếu nại được biết, ngày 31/10/2023, UBND huyện ban hành Quyết định số 5344/QĐ-UBND về phê duyệt hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu cho 17 hộ nhưng không có tên hộ gia đình ông A. Ngày 31/10/2023, UBND huyện tiếp tục ban hành Quyết định số 5815/QĐ-UBND phê duyệt hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu lần 02 nhưng vẫn không có tên hộ gia đình ông (kể cả ông H cũng không được).

Ông A cho rằng, việc UBND huyện không phê duyệt hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu cho gia đình ông là không đúng quy định. Do vậy, ông đề nghị UBND huyện phê duyệt hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu thì cơ quan Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B có văn bản trả lời đơn số 50/PTQĐ-TH ngày 20/2/2024, lý do không được hỗ trợ là căn cứ biên bản xác minh ngày 01/8/2023 thì hộ bà H có hộ khẩu tại TDP số 2 thị trấn L, không sinh sống tại thửa đất bị thu hồi. Căn cứ điều 22 Nghị định 47/2014/CP hướng dẫn hỗ trợ tái định cư đối với hộ gia đình mà phải di chuyển chỗ ở; việc trả lời như trên là không đúng, vì chỗ ở là nhà ở hoặc các công trình, phương tiện khác dùng để ở (theo khoản 1 Điều 2 Luật Cư trú 2020). Từ ngày 01/7/2021, chỗ ở hợp pháp được định nghĩa là nơi được sử dụng để sinh sống, bao gồm nhà ở, tàu, thuyền, phương tiện khác có khả năng di chuyển hoặc chỗ ở khác; Yếu tố vì hộ khẩu không phải là điều kiện bắt buộc.

Mặt khác, ngày 30/6/2023, ông A làm đơn đề nghị tổ trưởng dân phố P 1 (nơi có đất thu hồi) xác nhận vợ chồng ông sinh sống ổn định từ khi nhận chuyển nhượng nhà và đất từ năm 2019 (Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng năm 2019 gia đình ông sinh sống từ năm 2011). Đến cuối năm 2021 do bố mẹ ông A (là ông Hoàng Quang Cử và bà Nguyễn Thị Thơm) ốm nặng nên phải tạm về ở cùng để tiện chăm sóc; Đến ngày 17/11/2021 mẹ ông A chết, bố ông càng yếu cần chăm sóc liên tục. Việc này được chính ông Nguyễn Chí T tổ trưởng TDP P 1 đã xác nhận là đúng.

Ngoài ra, tại văn bản số 4286/STNMT-CCD ngày 09/12/2022 của Sở tài nguyên môi trường tỉnh Lào Cai và văn bản số 912/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ ngày 23/3/2018 của Tổng cục quản lý đất đai giải đáp vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đều; Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 điều 83 luật đất đai 2013, điều 22 Nghị định 47 của Chính phủ, không quy định việc hộ gia đình cá nhân phải có hộ khẩu thường trú, tạm trú tại nơi có đất bị thu hồi thì mới được hỗ trợ TĐC chỉ quy định hộ gia đình cá nhân phải di chuyển chỗ ở là được hỗ trợ tái định cư". Như vậy, căn cứ vào quy định của Pháp luật thì gia đình ông A đủ điều kiện để được hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu. Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư số 249/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND huyện B đã xác định gia đình ông là đối tượng phải di chuyển chỗ ở thì đương nhiên được hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu. Vì vậy, ông A khởi kiện yêu cầu tòa án xem xét giải quyết:

- Hủy Văn bản trả lời số 50/PTQĐ-TH ngày 20/02/2024 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B về việc trả lời đơn kiến nghị của bà H:

- Buộc UBND huyện B thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật, cụ thể là ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư để bổ sung phần phê duyệt hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu cho hộ ông Hoàng Tuấn A và bà Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật.

- Ngày 04/4/2024 ông A bổ sung đơn yêu cầu đề nghị hủy Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 về phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư của UBND huyện B để thực hiện lại việc phê duyệt tái định cư;

Người bị kiện UBND huyện B trình bày:

- Về nguồn gốc sử dụng đất:

Ông Hoàng Tuấn A nhận chuyển nhượng QSDĐ của ông Nguyễn Văn H thửa đất số 08, 08b; 517 tờ bản đồ P3-16; 36 mục đích sử dụng đất ở. Địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố P 1 (như ông A đề nghị là đúng), theo hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ số 233/HĐCN-QSDĐ quyền số 01/2019TP/CC-SCT/HĐ,GD do UBND thị trấn L chứng thực ngày 06/9/2019. Ông Hoàng Tuấn A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế theo quy định tại Thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân đối với bất động sản số LTB2220511-TK0000163/TB-CTT và Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất số LTB2220511-TK0000162/TB-CCT.

Căn cứ Khoản 1, Điều 75, Luật đất đai năm 2013 quy định: “Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi về đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có GCNQSDĐ, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận) hoặc có đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 77 của Luật này; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được sở hữu nhà ở gắn liền với QSDĐ ở tại Việt Nam mà có Giấy chứng nhận hoặc có đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này mà chưa được cấp”. Vậy ông Hoàng Tuấn A đủ điều kiện về đất khi nhà nước thu hồi đất ở.

- Về trình tự thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Căn cứ Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 03/4/2018 của UBND tỉnh Lào Cai về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới C, thị trấn L, Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của UBND tỉnh Lào Cai về chấp thuận xây dựng khu đô thị mới C, thị trấn L. UBND huyện B đã triển khai trình tự thu hồi bồi thường, tái định cư như sau:

- Ngày 14/9/2020, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 4392/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Khu đô thị mới C, thị trấn L, huyện B. Ngày 23/9/2020, UBND huyện tổ chức họp với các hộ dân

trong khu vực thu hồi đất, phổ biến kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm lập Phương án bồi thường và tái định cư.

- Ngày 07/10/2020, UBND huyện đã ban hành Thông báo thu hồi đất số 880/TB-UBND để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Khu đô thị mới C, thị trấn L. Trong thời gian thực hiện thống kê, kiểm đếm hộ ông A có ý kiến phản diện tích đất trên ông đã nhận chuyển nhượng QSDĐ của ông H do đó ngày 21/01/2022, UBND huyện B ban hành Thông báo số 57/TB-UBND để điều chỉnh tiền cho người sử dụng đất, thửa đất, diện tích tại thông báo số 880/TB-UBND ngày 07/10/2020 của UBND huyện B để thực hiện dự án xây dựng công trình: Khu đô thị mới C.

- Ngày 15/12/2021, Trung tâm Phát triển Quỹ đất (viết tắt: TTPTQĐ) phối hợp với UBND thị trấn L, Chủ đầu tư và hộ gia đình ông A đã tổ chức tiến hành thông kê, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất, hoa màu và lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Ngày 16/12/2021, TTPTQĐ huyện B phối hợp với UBND thị trấn L niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Khu đô thị mới C.

- Ngày 14/01/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện phối hợp với UBND, UBMTTQ thị trấn L họp lấy ý kiến của các hộ gia đình, cá nhân về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kết thúc công khai công trình: Khu đô thị mới. Ngày 24/01/2022, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 248/QĐ-UBND về thu hồi đất để xây dựng công trình Khu đô thị mới C; Cùng ngày ban hành Quyết định số 249/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ công trình Khu đô thị mới C.

Như vậy, việc UBND huyện B đã thực hiện trình tự thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc ông Hoàng Tuấn A yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai hủy bỏ Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND huyện B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ công trình Khu đô thị mới C, thị trấn L, huyện B là không có cơ sở. Việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông Hoàng Tuấn A, bà Nguyễn Thị H là đúng quy định của pháp luật.

Về việc phê duyệt suất tái định cư tối thiểu cho ông Hoàng Tuấn A và bà Nguyễn Thị H: Căn cứ Khoản 4, Điều 86, Luật Đất đai năm 2013 quy định "*Bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở như sau...*:"

4. Trường hợp người có đất thu hồi được bố trí tái định cư mà tiền bồi thường, hỗ trợ không đủ để mua một suất tái định cư tối thiểu thì được Nhà nước hỗ trợ tiền đủ để mua một suất tái định cư tối thiểu. Chính phủ quy định cụ thể suất tái định cư tối thiểu cho phù hợp với điều kiện từng vùng, miền và địa phương.". Tại thời điểm thu hồi đất thực hiện công trình Khu đô thị mới C, thị trấn Phố Lu, gia đình ông A, bà H có hộ khẩu và sinh sống tại tổ dân phố số 2, thị trấn L. Vậy ông A và bà H không phải di chuyển chỗ ở do đó không thuộc trường

hợp được hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu theo quy định tại khoản 4, Điều 86, Luật Đất đai 2013.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các bên thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để xem xét giải quyết theo định (Sau ngày đối thoại người khởi kiện nộp bổ sung chứng cứ là giấy xác nhận của ông T về việc tạm vắng do mẹ ốm chết, GCNQSDĐ của ông C ở tổ dân phố số 2 để chứng minh cho yêu cầu của mình).

Tại phiên tòa các bên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án:

Về thực hiện tố tụng hành chính: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các trình tự quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua tranh tụng tại phiên tòa và hồ sơ vụ án, các cơ quan đã thừa nhận hộ gia đình ông A là đối tượng bị thu hồi đất và phải di chuyển chỗ ở. Cho đến nay UBND không chứng minh được hộ ông A, bà H có chỗ ở nào khác trên cùng địa bàn xã, thị trấn có đất bị thu hồi. Luật đất đai và các văn bản trả lời của các cơ quan đều không quy định đất ở bị thu hồi phải có hộ khẩu. Hộ ông A có đủ các điều kiện được bồi thường và giao đất tái định cư tối thiểu. Do vậy yêu cầu của hộ ông A là có căn cứ chấp nhận theo Điều 79; 83,86 Luật đất đai và khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, để xét xử; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện; Tuyên án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quyền tham gia tố tụng: Các bên đương sự đã được tổng đạt giấy triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ 02 theo quy định; Tại phiên tòa, các bên đương sự đều có mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[1] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hạn khởi kiện:

Ông Hoàng Tuấn A và bà H khởi kiện yêu cầu hủy quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND huyện B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và hủy văn bản trả lời số 50/PTQĐ-TH ngày 20/02/2024 của TTPTQĐ huyện B; Buộc UBND huyện B thực hiện nhiệm vụ, công vụ; (hành vi) Ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư, bổ sung phần phê duyệt hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu cho hộ gia đình ông A và bà

H theo quy định của pháp luật. Đây là các quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện trong lĩnh vực quản lý đất đai, đối tượng khởi kiện vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Điều 30, 32 Luật tổ tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện: Xét thấy, theo Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của UBND huyện B thì Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B trực thuộc UBND huyện B. Ngày 24/01/2022 của UBND huyện B ban hành Quyết định số 248/QĐ-UBND về việc thu hồi đất; Cùng ngày UBND huyện B ban hành quyết định 249/QĐ-UB phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ công trình Khu đô thị mới C, thị trấn L; Ngày 20/2/2024 TTPTQĐ huyện B có văn bản số 50/PTQĐ-TH trả lời đơn bà H nội dung “ *Hộ gia đình bà Nguyễn Thị H không thuộc đối tượng di chuyển chỗ ở, vì vậy chưa đủ điều kiện để được hỗ trợ Suất tái định cư tối thiểu*”. Văn bản chứa đựng quyết định hành chính và hành vi hành chính bị kiện liên quan quyền lợi, ông A, bà H nhận được văn bản số 50/PTQĐ-TH ngày 20/02/2024. Ngày 21/3/2024, ông A, bà H biết quyền lợi bị xâm phạm khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện theo khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 về Thu hồi đất và Quyết định 249/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND huyện B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ công trình Khu đô thị mới C (*sau đây gọi tắt là Quyết định 248 và 249*).

[2.1] Về thẩm quyền ban hành: Theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013, UBND cấp huyện có thẩm quyền thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. Đồng thời ban hành văn bản phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông A là đúng thẩm quyền.

[2.2] Về căn cứ trình tự, thủ tục ban hành văn bản Quyết định 248 và 249:

Ngày 03/4/2018, UBND tỉnh Lào Cai ban hành quyết định số 886/QĐ-UBND về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới C, thị trấn L; Ngày 26/7/2018 UBND tỉnh Lào Cai ban hành quyết định số 2318/QĐ-UBND phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng đô thị Phố Lu; Ngày 12/4/2019 UBND tỉnh Lào Cai ban hành quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai đối với Khu đô thị mới C thị trấn L; Ngày 23/8/2019, UBND tỉnh Lào Cai ban hành quyết định số 2626/QĐ-UBND về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng khu đô thị mới C, thị trấn L, huyện B, do vậy;

Ngày 14/9/2020, UBND huyện B ban hành Quyết định số 4392/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án Khu đô thị mới C, thị trấn L; Ngày 23/9/2020, UBND huyện B tổ chức họp với các hộ dân trong khu vực thu hồi đất để phổ biến kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Ngày 07/10/2020, UBND huyện

Ban hành Thông báo thu hồi đất số 880/TB-UBND để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình: Khu đô thị mới C, thị trấn L. Trong thời gian thực hiện thống kê, kiểm đếm ông A có ý kiến phản diện tích đất trên ông đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông H từ ngày 06/9/2019 (ông H và ông A ở trước ngày có quyết định phê duyệt, thông báo thu hồi đất (các bên đều thừa nhận bồi thường).

Ngày 15/12/2021, TTPTQĐ huyện B phối hợp với UBND thị trấn L, Chủ đầu tư và hộ gia đình ông A tổ chức tiến hành thông kê, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất, hoa màu và lập Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Ngày 16/12/2021, TTPTQĐ huyện B phối hợp với UBND thị trấn L niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Khu đô thị mới C, thị trấn L; Ngày 14/01/2022, TTPTQĐ huyện phối hợp với UBND, UBNDTTQ thị trấn L lấy ý kiến các hộ gia đình, cá nhân về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kết thúc công khai công trình: Khu đô thị mới C, thị trấn L, huyện B.

Ngày 21/01/2022, UBND huyện B ban hành Thông báo số 57/TB-UBND về việc điều chỉnh tiền cho người sử dụng đất, thửa đất, diện tích tại thông báo số 880/TB-UBND ngày 07/10/2020 của UBND huyện B để thực hiện xây dựng công trình, khu đô thị mới C (từ ông H sang ông A)

Ngày 24/01/2022, UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 248/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng công trình Khu đô thị mới C, thị trấn L, huyện B. Cùng ngày 24/01/2022, UBND huyện B ban hành Quyết định số 249/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để phục vụ công trình Khu đô thị mới C.

Như vậy, UBND huyện B đã tiến hành thu hồi đất của hộ ông Hoàng Tuấn A, bà H theo đúng quy định tại Điều 69 Luật đất đai năm 2013 về trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng đúng quy định Điều 62, 63, 69 Luật đất đai 2013 (các bên không có khiếu nại phản bồi thường tài sản và hoa màu).

[2.3] Về nội dung theo Quyết định 248 thu hồi đất;

- Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 có nội dung: “*Thu hồi đất của ông Hoàng Tuấn A và bà Nguyễn Thị H tổng diện tích là 418,4m², trong đó có 120m² đất ở đô thị và 298,4m² trồng cây hàng năm khác tại các thửa đất số 08, 08b tờ bản đồ P3-16 và thửa đất số 517 tờ bản đồ số 36, để xây dựng công trình Khu đô thị mới C, thị trấn L, huyện B...*”.

Về nguồn gốc diện tích đất: Diện tích đất bị thu hồi là do vợ chồng ông A nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị V theo giấy thỏa thuận ngày 12/12/2011 nhờ ông H (bố chị Huyền) đứng tên GCNQSDĐ. Nhưng vợ chồng ông A cùng về đó sinh sống ổn định. Đến ngày 06/9/2019, vợ chồng ông A làm thủ tục nhận chuyển nhượng từ ông H, sang tên ông A và sửa chữa hệ thống tường rào, cổng sắt, xây dựng thêm 01 nhà gỗ, các công trình phụ và sinh sống thường xuyên đến khi bị thu hồi đất. Ngày 07/10/2020, UBND huyện B ban hành thông báo thu hồi đất số 880/TB-UBND cho ông H trong đó có diện tích đất của hộ ông A. Do vậy,

ngày 21/01/2022 UBND huyện B đã ban hành thông báo số 57/TB-UBND điều chỉnh tên người sử dụng đất tại thông báo số 880/TB-UBND ngày 01/10/2020 (từ thu hồi đất của hộ ông H sang thành thu hồi đất của hộ ông A) và điều chỉnh diện tích thu hồi là 418,4m² trong đó có 120m² đất ở đô thị và 298,4m² trồng cây hàng năm khác của hộ ông A. Như vậy, UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi đối với hộ ông A là đúng loại đất, chủ sử dụng đất và đúng quy định của pháp luật (*Việc thu hồi đất, điều chỉnh lại đúng tên hộ ông A các bên đã thừa nhận và không tranh chấp*).

[3]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 24/01/2022:

[3.1] Về thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành

Khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013 quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư...*”. Do vậy, cùng ngày 24/01/2022 UBND huyện B ban hành Quyết định số 248/QĐ-UBND về thu hồi đất và Quyết định số 249/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ ông A là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013.

[3.3]. Về nội dung: Quyết định số 249/QĐ-UBND, ngày 24/01/2022 UBND đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ gia đình ông Hoàng Tuấn A 01 xuất tái định cư (thuộc đối tượng được giao đất do thu hồi đất ở, phải di chuyển chỗ ở). Đồng thời phê duyệt cho gia đình ông A được bồi thường về đất: 152.952.000 đồng; bồi thường tài sản vật kiến trúc: 326.613.000 đồng; bồi thường cây trồng trên đất: 9 406.800 đồng; *tiền thuê nhà ở* và hỗ trợ khác: 31.442.000đ; Tổng giá trị bồi thường: 530.822.994 đồng; đến ngày 12/12/2023 đến nhận hồ sơ, giấy nộp tiền SĐĐ ông A thấy trong danh sách hộ mình không được hưởng *chế độ hộ chính chủ phải di chuyển chỗ ở* và cho rằng không đúng.

Xét đề nghị này thấy rằng: Đối với tiền bồi thường về đất đai quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật đất đai hộ ông A, bà H đủ các điều kiện và đã được bồi thường, như phân tích ở mục [2.3]; Gồm đất ở, nhà ở, và các bồi thường hỗ trợ khác do phải di chuyển chỗ ở; UBND huyện B đã thực hiện đúng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (*do người sử dụng đất không vi phạm các quy định tại Điều 92 Luật đất đai 2013*) việc này các bên đều nhất trí không có tranh chấp.

Xét nội dung, căn cứ hỗ trợ đất ở tái định cư tối thiểu: Theo như phân tích phần trên (các điều kiện được hưởng chính sách bồi thường khi nhà nước thu hồi đất và cấp đất tái định cư hộ ông A hoàn toàn đủ điều kiện và đã được Hội đồng phê duyệt UBND huyện đồng ý cấp 01 xuất tái định cư theo diện phải di chuyển nhà ở, chỗ ở). Việc cấp đất tái định cư cho hộ ông A là phù hợp quy định tại; Điểm a khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai; “*Trường hợp không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở..*”; Điểm c khoản 2 Điều 83 Luật đất đai quy định “*Hỗ trợ tái*

định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở”. Khoản 4 Điều 86 Luật đất đai: “ Trường hợp người có đất thu hồi được bố trí tái định cư mà tiền bồi thường, hỗ trợ không đủ để mua một suất tái định cư tối thiểu thì được Nhà nước hỗ trợ tiền đủ để mua một suất tái định cư tối thiểu”. Điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất như sau: “Trường hợp thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư”. Như vậy, ngày 28/7/2023 và ngày 26/10/2023 UBND huyện và Hội đồng xét duyệt bồi thường tái định cư và TTQĐ huyện đã duyệt và cho bóc thăm theo số thứ tự đất tại thực địa để cấp cho hộ ông A 01 suất đất ở (TĐC) đã được công khai đúng quy định thuộc “Trường hợp di chuyển chỗ ở, không còn đất ở, nhà ở nào khác trong địa bàn..khi thu hồi đất”.

Tuy nhiên, sau đó UBND huyện B căn cứ vào biên bản xác minh ngày 01/8/2023 (ý kiến của ông Nguyễn Chí T - tổ trưởng tổ dân phố) cho rằng “...hộ ông Hoàng Tuấn A, bà Nguyễn Thị H có hộ khẩu và sinh sống tại tổ dân phố 2..” nên không thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở, do đó không được hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu là chưa phù hợp với thực tế khách quan. Bởi các lý do sau: **(1)** Hộ ông A nhận chuyển nhượng QSDĐ của bà V từ năm 2011 theo giấy chuyển nhượng ngày 12/12/2011 (Bút lục 5-6), tuy thời điểm đó ông A nhờ bố vợ là ông H đứng tên hộ trong GCNQSDĐ nhưng thực tế đất và theo Giấy nộp tiền ngày 12; 13/12/2011 và ngày 28/12/2011 (bút lục số 7, 8,9) là của hộ ông A; Sau khi nhận chuyển nhượng ông A cùng vợ con chuyển về sinh sống tại Tổ dân phố P 1 và lắp đặt nước máy (ký hợp đồng với Công ty nước sạch Bảo Thắng HĐ số 2150). Ngoài ra hộ ông A còn dùng thêm 01 giếng nước đào đã được đền bù (bút lục 11 đến 14 và 53). Như vậy, xác định hộ ông A sau chuyển nhượng đã về tổ dân phố P nơi có đất bị thu hồi sinh sống. Đến ngày 06/9/2019, vợ chồng ông A làm thủ tục nhận chuyển nhượng toàn bộ nhà, đất ở và các tài sản trên đất từ ông H sang tên vợ chồng ông A, bà H, theo Hợp đồng khi chuyển nhượng tài sản trên đất chỉ có nhà xây lợp ngói, 01 tầng, diện tích 50,0m² nhưng đến thời điểm thu hồi đất tài sản trên đất đã được ông A, bà H đầu tư, tu sửa thêm rất nhiều (được liệt kê trong biên bản kiểm tra số lượng đất, tài sản, hoa màu ngày 14/5/2021 và 15/12/2021) thể hiện (tại bút lục số 47 đến 53 và 144,145,146), điều đó cho thấy ông A, bà H đã quản lý sử dụng diện tích đất liên tục, không có tranh chấp. (Tài liệu này được UBND huyện B thừa nhận, đã tự thay đổi điều chỉnh lại thông báo thu hồi đất số 880/TB.UB từ tên ông H sang tên hộ ông A ngày 21/01/2022, bút lục 31) là có căn cứ; **(2)** Về lý do hộ ông A không có sổ hộ khẩu ở Phú Cường 1, ông cho rằng: Ngày 07/7/2015 khi ông tách sổ hộ khẩu trong sổ hộ khẩu của bố mẹ để về nơi ở mới P 1, do cùng địa bàn thị trấn được Công an thị trấn giải thích không nhất thiết

phải chuyển khẩu vì cùng địa bàn, nên ông A không thực hiện nữa. Xét lý do này là khách quan và không cố ý vụ lợi nhằm lấy đất tái định cư bởi: Khi đó chưa có thông báo và kế hoạch đất ông nhận chuyển nhượng bị thu hồi nên khi được Công an giải thích (không phải chuyển vì P 1 với tổ DP số 2 cùng trong Thị trấn) nên ông mặc nhiên không cố ý chuyển đến là phù hợp. **(3)** Trên thực tế ông A, bà H năm 2020 về ở cùng ông C, bà T tại tổ dân phố số 02, nhưng GCNQSDĐ đất, nhà ở đều mang tên ông C, bà T (của bố mẹ ông A, bút lục 251-252); Cũng từ căn cứ này tại các biên bản kiểm tra số lượng đất đai, tài sản, hoa màu ngày 15/12/2021 các biên bản này đều xác định gia đình hộ ông A không còn nhà ở, đất ở nào khác ngoài thửa đất đã bị thu hồi trên địa bàn huyện B (được nhận tiền thuê nhà ở) là có căn cứ. **(4)** Tại giấy giấy trích lục khai tử ngày 23/11/2021 xác định bà Nguyễn Thị Thơm (mẹ ông A đã chết ngày 17/11/2021); Giấy xác nhận và biên bản xác minh ý kiến ông T ngày 29/8/2024 của Tòa án cũng của ông Thuật nguyên trưởng thôn P 1 đều thừa nhận hộ ông A, bà H có thường trú tại tổ dân phố P 1; Từ năm 2019 -2021 ông A, bà H tạm chuyển về tổ dân phố số 2 do bố mẹ ông A bị ốm (bút lục 44,45 và 245 đến 247, 260). Như vậy, cùng ý kiến của ông T ngày 23/6/2023 và ngày 29/8/2024 đã có sự không đồng nhất với biên bản xác minh của trung tâm quỹ đất Bảo Thắng ngày 01/8/2023. Điều đó phản ánh việc gia đình ông A phải tạm chuyển về nhà bố mẹ ở tổ dân phố 2 chăm sóc mẹ bị ốm nặng là khách quan chứ không phải có nhà ở tổ dân phố 2 là đúng. Việc UBND huyện B chỉ căn cứ ý kiến của ông T tại bản xác minh ngày 01/8/2023 và tại phiên tòa cho rằng ông A có hợp đồng sử dụng điện, nước nhưng không dùng từ 2018 nhưng thừa nhận có bồi thường giếng nước (là phù hợp ý kiến người khởi kiện đưa ra bị cây đổ đứt dây mát công tơ, dùng nhờ điện hộ bà Ché, nước dùng giếng đào là phù hợp); Nhưng không công nhận cho hộ ông A là “*hộ phải di chuyển chỗ ở..*” là chưa đúng sự thật khách quan khi xét tái định cư tối thiểu. Mặt khác tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật đất đai và khoản 1 Điều 6; Điều 22; 27 Nghị định 47/2014/NĐ-CP đều không quy định “*..hộ gia đình, cá nhân phải có hộ khẩu thường trú*” mà chỉ quy định “*hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở..*”; Các văn bản trả lời của Sở tài nguyên môi trường ngày 19/12/2022; 31/8/2023 và của Tổng cục quản lý đất đai ngày 23/7/2019 về trả lời các huyện thị trong lĩnh vực thu hồi và bồi thường đất đai đều phù hợp quy định của Luật đất đai (bút lục 118; 249; 250). Hơn nữa, tại biên bản họp xét duyệt tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc diện được giao đất cũng đều xác định hộ ông A cùng thuộc trường hợp “*bị thu hồi đất ở, phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác*” (Bút lục 76-83);

Như vậy, hộ ông A có cư trú, sinh sống tại TDP P 1 thị trấn L, có GCNQSDĐ, có nhà ở và tài sản trên đất, sử dụng ổn định không tranh chấp..” bị thu hồi; Tại quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư số 249/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của UBND huyện B đã xác định hộ ông A thuộc đối tượng “*bị thu hồi đất ở, phải di chuyển chỗ ở*”. Nhưng sau đó không thừa nhận và

không có căn cứ xác định có chỗ ở nào khác cùng địa bàn xã, thị trấn để xét cấp cho hộ ông A suất đất tái định cư tối thiểu để ông có nơi ở mới, ổn định cuộc sống là chưa đúng theo quy định điểm a khoản 1 Điều 79; điểm c khoản 2 Điều 83; khoản 4 Điều 86 Luật đất đai; điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ như đã nêu ở trên.

Tuy nhiên, cũng từ đánh giá nêu trên; Xét thấy, Quyết định thu hồi đất số 248/QĐ-UBND và Quyết định số 249/QĐ-UBND cùng ngày 24/01/2022 phê duyệt, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông A được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục. Nhưng chưa phê duyệt hỗ trợ xuất tái định cư tối thiểu cho hộ ông A là thiếu; Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của hộ ông A, buộc UBND huyện B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ (hành vi hành chính) ban hành Quyết định phê duyệt bổ sung cấp hỗ trợ 01 suất đất tái định cư tối thiểu cho hộ gia đình ông Hoàng Tuấn A và bà Nguyễn Thị H theo quy định mà không cần thiết phải hủy Quyết định 248/QĐ-UB và số 249/QĐ-UB cùng ngày 24/01/2022 của UBND huyện B (*để đảm bảo tính ổn định, kịp thời cho dự án vì đất đã được hộ ông A đã bốc thăm, được giao nhận đất, ứng nộp tiền SDD tại thực địa, tránh phát sinh nghĩa vụ chậm nộp*) là phù hợp, đúng quy định.

[4] Xét tính hợp pháp của văn bản số 50/PTQĐ-TH ngày 20/02/2024 về việc trả lời đơn của TTPTQĐ và xét đề nghị của ông A, bà H:

Như đã phân tích ở mục [2] mục [3] Quyết định thu hồi đất số 248/QĐ-UBND và Quyết định số 249/QĐ-UBND cùng ngày 24/01/2022 về phê duyệt, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông A được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục nhưng chưa phê duyệt hỗ trợ cấp tái định cư tối thiểu cho hộ ông A bị *“thu hồi đất ở, phải di chuyển chỗ ở và không còn chỗ ở nào khác”* là thiếu căn cứ khắc phục. Do vậy, để thống nhất trong thực hiện quyết định hành chính trong cùng cấp quản lý, chấp nhận yêu cầu của ông A; Hủy văn bản trả lời số 50/PTQĐ-TH ngày 20/02/2024 của TTQĐ huyện B là có căn cứ.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên người khởi kiện ông Hoàng Tuấn A, bà Nguyễn Thị H không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Người bị kiện UBND huyện B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 62; 63; 66; 69 và khoản 1 Điều 79; khoản 2 Điều 83; khoản 4 Điều 86 Luật đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điểm b, c khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Tuấn A, bà Nguyễn Thị H, tuyên xử;

- Hủy Văn bản trả lời số 50/PTQĐ-TH ngày 20/02/2024 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B về việc trả lời đơn kiến nghị của bà H.

- Buộc UBND huyện B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ bổ sung phần Quyết định phê duyệt hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu cho hộ gia đình ông Hoàng Tuấn A và bà Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật. (Thực hiện hành vi hành chính “*ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung*” Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ 01 xuất tái định cư tối thiểu đối với hộ ông A, bà H theo quy định của pháp luật).

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Người khởi kiện ông Hoàng Tuấn A, bà Nguyễn Thị H không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông A, bà H 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000057 ngày 11/4/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai (Do ông Văn Minh Nam nộp thay).

Người bị kiện UBND huyện B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án hành chính trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Đài

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 15 phút, ngày 11/9/2024 tại phòng nghị án Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Văn Đài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Toàn và ông Phạm Văn Sơn.

Tiến hành nghị án vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 24/2024/HCST ngày 11/4/2022 về việc “*khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

+ Ông Hoàng Tuấn A, sinh năm 1982; Bà Nguyễn Thị H, sinh 1984

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lào Cai

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là: Ông Văn Minh Nam

Địa chỉ: Tổ 15, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai

Địa chỉ: Đường 19/5 thị trấn L, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Minh Quế - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Bá H - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH

CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ vào Điều 158; Điều 62; 63; 66; 69 và khoản 1 Điều 79; điểm c khoản 2 Điều 83; khoản 4 Điều 86 Luật đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ vào; Điểm b, c khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Tuấn A, bà Nguyễn Thị H;

- Hủy Văn bản trả lời số 50/PTQĐ-TH ngày 20/02/2024 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B về việc trả lời đơn kiến nghị của bà H:

- Buộc UBND huyện B phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ (hành vi) bổ sung phần Quyết định phê duyệt hỗ trợ suất tái định cư tối thiểu cho hộ gia đình ông Hoàng Tuấn A và bà Nguyễn Thị H theo quy định của pháp luật. (Thực hiện hành vi hành chính; “ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung” Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ 01 xuất tái định cư tối thiểu đối với hộ ông A, bà H theo quy định của pháp luật)

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Người khởi kiện ông Hoàng Tuấn A, bà Nguyễn Thị H không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông A, bà H 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000057 ngày 11/4/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai (Do ông Văn Minh Nam nộp thay).

Người bị kiện UBND huyện B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 03/03 đồng chí có mặt nhất trí thông qua từng nội dung trên (không ai có ý kiến khác)

Việc nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 0 phút, ngày 11/9/2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Toàn

Phạm Văn Sơn

Lương Văn Đài

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- UBND tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Đài

